

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/KDTM-ST

Ngày: 29/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Cần;

2. Bà Huỳnh Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 48/2021/TLST-KDTM ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH H; địa chỉ: Lô E8 (khu 4), đường D9, khu công nghiệp B, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thái Thị Nh, sinh năm 1991; địa chỉ liên hệ: Số 84, đường P, khu phố 2, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/11/2021); có mặt

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV T; địa chỉ: Lô I2, đường N1, khu công nghiệp N, phường K, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Huỳnh Thị Tr, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 4, khu phố T, phường B, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt

3. *Người làm chứng:* Bà Dương Ngọc D, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Trong tháng 11 và tháng 12 năm 2020, Công ty TNHH H (sau đây viết tắt là Công ty H) bán hàng hóa là tấm mút xốp các loại cho Công ty TNHH MTV T (sau đây viết tắt là Công ty T).

Việc mua bán giữa các bên không ký hợp đồng mua bán hàng hoá mà chỉ căn cứ vào từng đơn đặt hàng cụ thể của bên mua, giá cả căn cứ vào bảng báo giá, giao hàng đến kho bên mua. Thanh toán ngay sau khi chốt công nợ của từng tháng. Công ty T yêu cầu chưa xuất hóa đơn và họ sẽ yêu cầu xuất hóa đơn khi có nhu cầu.

Trong tháng 11/2020, Công ty H đã bán cho Công ty T số tiền hàng là 1.795.646.405 đồng (chưa bao gồm 10% VAT) và Công ty H phải trả cho Công ty T số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) phí vận chuyển. Sau khi trừ phí vận chuyển thì tiền hàng tháng 11/2020 mà Công ty T còn nợ Công ty H là 1.793.646.405 đồng (chưa bao gồm 10% VAT).

Trong tháng 12/2020, Công ty H tiếp tục bán cho Công ty T số tiền hàng là 684.486.720 đồng (chưa bao gồm 10% VAT).

Như vậy, tổng tiền hàng tháng 11 và tháng 12 năm 2020 Công ty H bán cho Công ty T là 2.480.133.125 đồng (chưa bao gồm 10% VAT).

Đến ngày 09/7/2021, Công ty T đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty H số tiền 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*). Như vậy, cho đến nay sau khi trừ phí vận chuyển 2.000.000 đồng thì Công ty T còn nợ tiền hàng của Công ty H là 2.078.133.125 đồng (chưa bao gồm 10% VAT). Công ty H đã liên hệ nhiều lần yêu cầu Công ty T thanh toán nhưng không có kết quả.

Do đó, Công ty H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên buộc Công ty T có nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền gồm: Tiền nợ gốc là 2.078.133.125 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất 01%/tháng kể từ ngày 26/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2022) là 2.078.133.125 đồng x 1%/tháng x 20 tháng 2 ngày = 417.011.950 đồng. Như vậy, tổng số tiền Công ty H yêu cầu Công ty T thanh toán là 2.495.145.075 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu này.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty T theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 411/ĐKKD ngày 13/4/2022 và Công văn số 884/ĐKKD ngày 11/7/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV T (đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 14/02/2022) xác định Công ty TNHH MTV T đăng ký địa chỉ trụ sở chính tại: Lô I 2, Đường N1, Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Hiện tại, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngưng hay giải thể của doanh nghiệp nêu trên. Căn cứ Công văn số 4294/BQL-DN ngày 06/9/2022 của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bình Dương xác định Công ty T đang hoạt động tại địa chỉ nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện 02 năm theo quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền còn nợ liên quan đến mua bán hàng hoá. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty T có trụ sở hoạt động tại phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty T không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn Công ty T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Đại diện nguyên đơn Công ty H yêu cầu bị đơn Công ty T thanh toán tiền nợ gốc là 2.078.133.125 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất 1%/tháng là 417.011.950 đồng; tổng cộng là 2.495.145.075 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu về nợ gốc: Xét thấy, giữa Công ty H và Công ty T không ký hợp đồng mua bán hàng hoá. Việc mua bán hàng hoá căn cứ vào từng đơn đặt hàng cụ thể của Công ty T (bên mua). Đơn giá căn cứ vào Bảng báo giá. Công ty H giao hàng đến kho của Công ty T (bên mua). Công ty T yêu cầu Công ty H chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng và sẽ yêu cầu xuất khi có nhu cầu. Các Bảng báo giá có hiệu lực từ ngày 06/11/2020, ngày 14/11/2020, ngày 21/12/2020 do Công ty H gửi cho Công ty T đều được đại diện Công ty T ký xác nhận tại mục “*Khách hàng ký tên*”, sau đó gửi lại cho phía Công ty H. Theo đó, trong tháng 11 và 12 năm 2020, Công ty H đã cung cấp tám mứt xộp các loại cho Công ty T theo từng đơn hàng với tổng số tiền 2.480.133.125 đồng - chưa bao gồm 10% VAT (trong đó tiền hàng tháng 11/2020 là 1.795.646.405 đồng, tiền hàng tháng 12/2020 là 684.486.720 đồng). Việc giao nhận hàng hoá đều có các Đơn xuất hàng của tháng 11/2020 (cụ thể: ngày 06/11/2020, ngày 07/11/2020, ngày 10/11/2020, ngày 11/11/2020, ngày 12/11/2020, ngày 13/11/2020, ngày 14/11/2020, ngày 17/11/2020, ngày 18/11/2020, ngày 24/11/2020, ngày 25/11/2020 và ngày 28/11/2020; các Đơn xuất hàng của tháng 12/2020 (cụ thể: ngày 01/12/2020, ngày 11/12/2020, ngày 12/12/2020, ngày 16/12/2020, ngày 17/12/2020, ngày 23/12/2020, ngày 24/12/2020 và ngày 25/12/2020) và đều được nhân viên (người lao động) của Công ty T ký nhận tại mục “*Nhận hàng*”. Hai Công ty tuy không có ký kết hợp đồng mua bán nhưng trên thực tế có việc mua bán hàng hoá với nhau dựa trên các đơn đặt hàng và giao nhận hàng hoá, điều này thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội. Đến ngày 09/7/2021, Công ty T đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty H số tiền 400.000.000 đồng (*bốn*

trăm triệu đồng). Sau khi cân trừ phí vận chuyển 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) thì Công ty T còn nợ tiền hàng của Công ty H là 2.078.133.125 đồng (chưa bao gồm 10% VAT). Như vậy, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 2.078.133.125 đồng là có cơ sở.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 1%/tháng, kể từ tháng 26/01/2021 (tức là sau 30 ngày kể từ ngày đơn xuất hàng cuối cùng ngày 25/12/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm là 417.011.950 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

Khoản 1 Điều 55 của Luật Thương mại quy định về thời hạn thanh toán như sau:

“Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau:

1. Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa ...”.

Điều 306 của Luật Thương mại quy định về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán như sau: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các khoản chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.*

Theo kết quả xác minh tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thị xã Tân Uyên, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Phòng Giao dịch thị xã Tân Uyên và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt nam (BIDV) - Phòng giao dịch thị xã Tân Uyên thì mức lãi suất cho vay trung hạn và dài hạn là từ 9% - 12%/năm.

Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 1%/tháng, kể từ tháng 26/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 417.011.950 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 30, 35, 39, 147, 228, 229, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 24, 50, 55, 301, 306 và 319 của Luật Thương mại;
- Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H đối với bị đơn Công ty TNHH MTV T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty TNHH MTV T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH H tổng số tiền là 2.495.145.075 đồng (*hai tỷ bốn trăm chín mươi lăm triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng*); trong đó tiền nợ gốc là 2.078.133.125 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 417.011.950 đồng.

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

2.1 Công ty TNHH MTV T phải chịu số tiền 81.902.000 đồng (*tám mươi một triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng*) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

2.2 Công ty TNHH H không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm; được trả lại số tiền 39.275.000 đồng (*ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005613 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

3.1 Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

3.2 Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Lê